

# HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ DƯỚI GÓC NHÌN SINH KẾ VÀ GIÁO DỤC

Đinh Thị Hà Giang

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Email: dthgiang@hunre.edu.vn

**Tóm tắt:** Phát triển du lịch tại các Khu bảo tồn thiên nhiên nói chung đang là một hướng đi triển vọng và đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam cùng với hơn 50 quốc gia ký cam kết phát triển du lịch xanh tại Cop 29. Việc thúc đẩy phát triển hoạt động du lịch kết hợp (du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm ở vùng lõi; và du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng ở vùng đệm) tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ đồng thời vừa góp phần tạo sinh kế cho cộng đồng địa phương lại vừa thúc đẩy và tạo động lực cho công tác bảo tồn những giá trị văn hóa, giá trị tự nhiên và phát triển bền vững. Bằng các công cụ điều tra xã hội học, nghiên cứu đã đánh giá được hiện trạng hoạt động du lịch của các hộ dân sinh sống trong vùng đệm Vườn Quốc gia Xuân Sơn dưới góc nhìn sinh kế thông qua năm nguồn vốn gồm vốn tự nhiên, vốn tài chính, vốn con người, vốn vật chất và vốn xã hội và góc nhìn giáo dục thông qua nguồn vốn con người. Nếu như nguồn vốn tự nhiên và vốn vật chất là điều kiện cần để phát triển hoạt động sinh kế du lịch thì vốn xã hội, vốn tài chính và vốn con người là điều kiện đủ để thúc đẩy sự phát triển của hoạt động sinh kế du lịch nơi đây. Đặc biệt là các giải pháp liên quan đến giáo dục và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và nâng cao năng lực cho cộng đồng địa phương để phát triển bền vững hoạt động du lịch tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn.

**Từ khóa:** Du lịch bền vững, Giáo dục, Sinh kế, Vườn Quốc Gia

## TOURISM ACTIVITIES IN XUAN SON NATIONAL PARK, PHU THO PROVINCE THROUGH LIVELIHOOD PERSPECTIVE

**Abstract:** Developing tourism in nature reserves is a promising direction and particularly meaningful as Vietnam, together with more than 50 countries, has pledged to advance green tourism at COP29. Promoting a blended tourism model at Xuan Son National Park (Phu Tho Province)—combining ecotourism and experiential activities in the core zone with cultural and community-based tourism in the buffer zone—not only creates livelihoods for local communities but also motivates and supports the conservation of cultural and natural values and fosters sustainable development. Using sociological survey tools, the study assessed the current tourism activities of households living in the park's buffer zone from a livelihood perspective through five forms of capital—natural, financial, human, physical, and social—and from an educational perspective via human capital. While natural and physical capital constitute the necessary conditions for developing tourism-based livelihoods, social, financial, and human capital are the sufficient conditions that drive their growth. In particular, solutions related to education, the preservation of traditional cultural values, and capacity building for local communities are pivotal to ensuring the sustainable development of tourism at Xuan Son National Park.

**Keywords:** sustainable tourism, livelihoods, National Park

Nhận bài: 10/10/2025

Phản biện: 05/11/2025

Duyệt đăng: 10/11/2025

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch sinh thái tại các khu bảo tồn đang được nhìn nhận như du lịch dựa vào tự nhiên, vừa là “cầu nối” giữa cộng đồng bản địa và công tác bảo tồn, vừa đồng thời theo đuổi hai mục tiêu: cải thiện sinh kế và bảo tồn đa dạng sinh học. Trong bối cảnh Việt Nam cùng hơn 50 quốc gia cam kết phát triển du lịch xanh tại COP29, định hướng này càng mang ý nghĩa chiến lược. Ở Việt Nam, sự đa dạng loại hình khu bảo tồn đã tạo nền cho du lịch sinh thái phát triển từ thập niên 1990, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, tăng thu nhập cộng đồng và hỗ trợ bảo vệ hệ sinh thái. Tuy vậy, thực tiễn còn bộc lộ hạn chế: thiếu tính chuyên nghiệp, quy hoạch chưa bài bản; lợi ích tập trung vào một bộ phận hộ có nguồn lực; các vốn sinh kế của hộ dân (tự nhiên, tài chính, vật chất, xã hội, con người) còn yếu.

Vườn Quốc gia Xuân Sơn (Phú Thọ) được định hướng phát triển theo Quy hoạch du lịch tỉnh (2011–2020, tầm nhìn 2030) và Đề án phát triển bền vững du lịch sinh thái giai đoạn 2021–2030. Với địa hình đa dạng hình thành nhiều tiểu vùng sinh thái, cảnh quan hùng vĩ, Vườn có tiềm năng lớn cho nghiên cứu, giáo dục môi trường và du lịch sinh thái. Hiện có 9 điểm du lịch kết nối bằng 6 tuyến nội vùng đã được đầu tư hạ tầng, đưa vào khai thác; vùng đệm là không gian văn hóa của cộng đồng Mường, Dao, làm phong phú loại hình du lịch. Nghiên cứu này đánh giá sinh kế du lịch tại Xuân Sơn dưới góc nhìn năm nguồn vốn sinh kế, đồng thời xét khía cạnh giáo dục qua vốn con người, nhằm nhận diện điểm mạnh–yếu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và sinh kế cộng đồng.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6/2025 đến tháng 8/2025 tại xã Xuân Đài, tỉnh Phú Thọ dựa trên các phương pháp điều tra xã hội học, gồm hai công cụ là quan sát trực tiếp và điều tra bằng bảng hỏi:

Quan sát trực tiếp: quan sát có hệ thống các hoạt động liên quan đến hoạt động du lịch tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn, thu thập các hình ảnh từ thực địa tại địa phương nhằm đối chiếu và kiểm chứng kết quả nghiên cứu.

Điều tra bằng bảng hỏi: Bảng hỏi được thiết kế để đánh giá được hoạt động du lịch tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn dưới góc nhìn sinh kế và giáo dục. Các đối tượng được lựa chọn tham gia khảo sát là thành viên trong độ tuổi lao động của những gia đình có tham gia vào hoạt động du lịch. Tổng số phiếu điều tra là 27 phiếu. Trong đó, tỷ lệ nữ giới tham gia chiếm 59,3%, nam giới chiếm 40,7%. Về thành phần dân tộc, những người tham gia khảo sát đều thuộc nhóm dân tộc thiểu số (người Mường chiếm 55,6%, người Dao chiếm 44,4 %).

### 2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 2.2.1. Hoạt động du lịch tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn

##### \* Các tuyến, điểm du lịch

Hiện nay, có 6 tuyến nội vùng, 1 tuyến nội tỉnh đã được khai thác và 2 tuyến liên tỉnh và quốc tế đang chuẩn bị đưa vào khai thác, cụ thể:

- Các tuyến nội vùng gồm các tour du lịch trải nghiệm và khám phá, xuất phát từ Trung tâm Giáo dục môi trường, dịch vụ và du lịch sinh thái:

+ Tuyến 1: Xóm Dù - đỉnh núi Ten - xóm Lạng - Lũng Măng - xóm Tân Minh - trạm Quản

lý Bảo vệ rừng Kim Thượng;

+ Tuyến 2: Xóm Dù - đỉnh Ten - xóm Lấp - xóm Cỏi - trạm Quản lý Bảo vệ rừng Tân Sơn;

+ Tuyến 3: Xóm Dù - xóm Lấp - xóm Cỏi - xóm Bến Thân - trạm Quản lý Bảo vệ rừng Đồng Sơn;

+ Tuyến 4: Xóm Dù - xóm Lấp - xóm Cỏi - xóm Thang ;

+ Tuyến 5: Xóm Dù - xóm Lấp - Thác Ngọc;

+ Tuyến 6: Xóm Dù - xóm Lạng - Trạm Quản lý và Bảo vệ rừng Lũng Măng;

*Các tuyến du lịch nội tỉnh:* Các tuyến liên kết đón khách từ các địa điểm du lịch khác trong tỉnh gồm khu du lịch Đền Hùng, thành phố Việt Trì; khu du lịch nước khoáng nóng xã Thanh Thủy; xã Hạ Hòa đến VQG Xuân Sơn.

##### *Các tuyến du lịch liên tỉnh và quốc tế:*

+ Tuyến 1: Kết hợp với các công ty lữ hành nội địa để phát triển các tuyến từ thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Trung, thành phố Hà Nội và các tỉnh Đông Bắc, Tây Bắc đến VQG Xuân Sơn.

+ Tuyến 2: Kết hợp với các công ty lữ hành trong và ngoài nước để xây dựng tuyến Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh.

##### \* Lượng khách du lịch

Trung bình mỗi năm Vườn đón khoảng 20.000 - 25.000 lượt khách, trong đó chủ yếu là khách nội địa (chiếm trên 90%) (Bảng 1). Thời gian tập trung nhiều khách là khoảng từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm. Tuy nhiên, lượng khách lưu trú và sử dụng các dịch vụ chỉ khoảng 4- 5.000 lượt người/năm. Lượng du khách này tuy chưa đông nhưng bước đầu cũng đã đóng góp vào nền kinh tế của địa phương và làm đa dạng hóa các loại hình sinh kế của cộng đồng dân cư sinh sống tại khu vực vùng đệm của Vườn Quốc gia Xuân Sơn.

**Bảng 1. Thống kê lượt du khách tham quan tại VQG Xuân Sơn**

| Năm         | Lượt khách tham quan |               |               |
|-------------|----------------------|---------------|---------------|
|             | Tổng số khách        | Khách nội địa | Khách quốc tế |
| 2020        | 20.000               | 19.500        | 500           |
| 2021        | 10.500               | 10.500        | -             |
| 2022        | 25.000               | 24.000        | 1.000         |
| <b>Tổng</b> | <b>55.500</b>        | <b>54.000</b> | <b>1.500</b>  |

*Nguồn: BQL VQG Xuân Sơn, 2022*

#### 2.2.2. Hiện trạng hoạt động sinh kế du lịch của cư dân vùng đệm Vườn Quốc gia Xuân Sơn

Sinh kế du lịch hay sinh kế dựa vào du lịch bao gồm tài sản sinh kế cốt lõi (vốn tự nhiên, con người, tài chính, xã hội và thể chế), các hoạt

động liên quan đến du lịch và cách tiếp cận các hoạt động này để cung cấp phương tiện sinh sống (Fujun, 2009). Hoạt động du lịch là một hoạt động sinh kế đặc biệt đối với kinh tế hộ gia đình. Không giống với các hoạt động sinh kế khác, người dân

chính là chủ thể duy nhất. Tuy nhiên, trong hoạt động sinh kế du lịch thì người dân chỉ là một trong những bên liên quan trong chuỗi giá trị của sản phẩm du lịch tại địa phương.

**\* Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng**

Theo kết quả khảo sát, cộng đồng địa phương đã bắt đầu tham gia vào hoạt động du lịch từ những năm 2000. Ban đầu, hoạt động

này là tự phát từ việc kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ “homestay” của một vài hộ tại xóm Dù xã Xuân Sơn cũ (nay thuộc xã Xuân Đài). Tính đến nay, trên địa bàn Vườn Quốc gia Xuân Sơn có tới 40 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống và nhà nghỉ. Ngoài ra, có rất nhiều hộ bán các sản phẩm nông nghiệp và đồ lưu niệm của địa phương dọc hai đường.

**Bảng 2. Các cộng đồng tham gia và hưởng lợi từ du lịch**

| Cộng đồng | Các hoạt động tham gia   | Năm  | Hình thức tham gia và hưởng lợi từ du lịch (cá nhân, gia đình, tổ hợp tác...) |
|-----------|--------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Xóm Dù    | - Homestay<br>- Bán hàng | 2004 | Các hộ gia đình: 05 hộ                                                        |
| Xóm Lấp   | - Homestay<br>- Bán hàng | 2012 | 03 hộ kinh doanh homestay + 15 hộ bán hàng                                    |
| Xóm Cỏi   | - Homestay<br>- Bán hàng | 2012 | 03 hộ kinh doanh homestay + 25 hộ bán hàng                                    |

Như vậy, có thể thấy rằng cộng đồng địa phương đã được tham gia và hưởng lợi hợp pháp từ hoạt động du lịch góp phần đa dạng hóa các loại hình sinh kế, tăng thu nhập, từng bước nâng cao đời sống cho người dân địa phương. Tuy nhiên, sự tham gia vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có sự liên kết chặt chẽ vào chuỗi cung ứng của sản phẩm du lịch tại địa phương. Các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tham gia thuyết minh, dẫn điếm du lịch cho khách...vẫn chưa có cơ chế chia sẻ để tạo điều kiện và thu hút nhiều hơn người dân địa phương vào hoạt động du lịch.

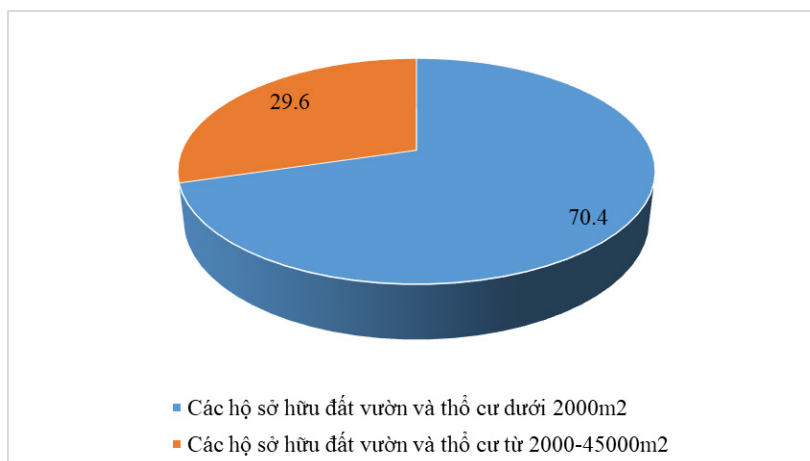
**\* Vốn Tự nhiên**

Vốn tự nhiên bao gồm các loại tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, không khí, khí hậu, nguồn nước, nguồn gen, v.v.) và các dịch vụ môi trường phục vụ cho hoạt động sinh kế. Nguồn vốn này có ý nghĩa rất quan trọng tới sinh kế, đặc biệt là sinh kế

người nghèo. Bởi vì, vốn tự nhiên có ảnh hưởng trực tiếp tới mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người [DFID, 1999].

Đất là yếu tố sản xuất đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất nói chung, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp. Đối với hoạt động du lịch tại đây, đất vừa là nơi xây dựng cơ sở lưu trú (homestay) vừa là nơi nuôi trồng các đặc sản nông nghiệp của địa phương.

Kết quả khảo sát cho thấy, diện tích đất thuộc quyền sở hữu của các hộ kinh doanh du lịch không nhiều. Có thể phân chia thành hai nhóm: nhóm hộ sở hữu diện tích đất vườn và thổ cư từ 2.000 - 4.500m<sup>2</sup> chỉ chiếm 29,6%, còn lại là nhóm hộ sở hữu đất vườn và thổ cư dưới 2.000m<sup>2</sup>, chiếm 70,4 %. Điều này cho thấy sự hạn chế về quỹ đất để xây dựng homestay, nhà hàng ăn uống hay cửa hàng bán nông sản địa phương.

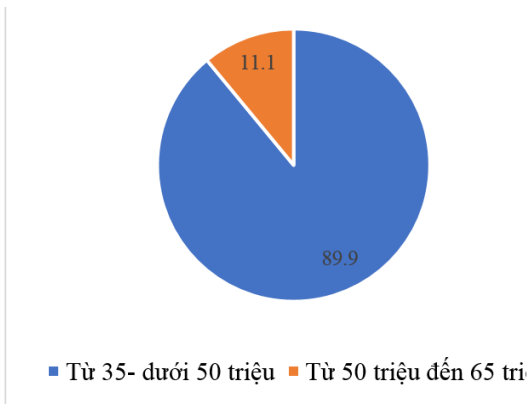


**Biểu đồ 1. Tỷ lệ các hộ sở hữu đất vườn và thổ cư tham gia khảo sát (%)**

**\* *Vốn Tài chính***

Các nguồn lực tài chính mà con người sử dụng để đạt được các mục tiêu sinh kế của mình, bao gồm: 1) Vốn tích trữ (tiền mặt, tiết kiệm, vàng bạc, gia súc); 2) Thu nhập thường xuyên (lương, tiền gửi về); 3) Vốn vay (tín dụng, ngân hàng). Đây là yếu tố trung gian cho sự trao đổi và có ý nghĩa quan trọng đối với việc sử dụng thành công các loại vốn khác.

Thu nhập bình quân trên đầu người trong khu vực vùng đệm VQG khoảng 18 đến 28 triệu đồng/người/năm. Nguồn thu nhập chính của người dân trong khu vực chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc và các hoạt động liên quan đến sản xuất lâm nghiệp.



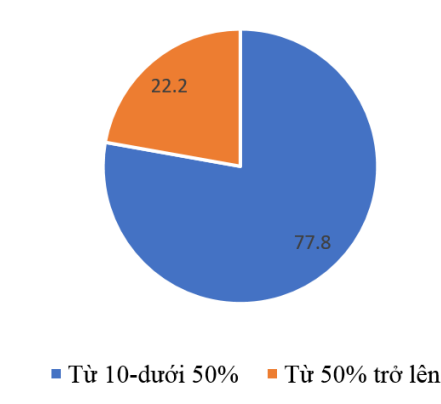
**Biểu đồ 2. Tỷ lệ thu nhập bình quân theo đầu người của đối tượng tham gia khảo sát (%)**

**\* *Vốn Con người***

Vốn con người thể hiện qua kỹ năng, kiến thức, năng lực để lao động, và sức khỏe giúp con người theo đuổi những chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được mục tiêu sinh kế của mình. Đây là nguồn vốn quan trọng nhất, quyết định đến sinh kế của mỗi hộ gia đình.

Khu vực vùng đệm là nơi sinh sống của cộng đồng người Mường, người Dao với những nét văn hóa đặc trưng, những lễ hội độc đáo, lối sống đậm nét truyền thống và những sản vật nông nghiệp địa phương có giá trị kinh tế cao như gà chín cựa, lợn đen, nem chua, rau sắng, chè... Về giá trị văn hóa, hiện nay tại Vườn quốc gia Xuân Sơn đồng bào dân tộc Dao và Mường vẫn còn gìn giữ được các truyền thống văn hóa tốt đẹp như lễ cấp sắc, lập tỉnh của người Dao, lễ xuống đồng, Đâm đuống, múa Mỡi, hát rang của người Mường, các lễ hội đang dần được khôi phục để phục vụ cho khách tham quan du lịch muốn tìm hiểu về văn hóa đồng

Trong khi đó, mức thu nhập là cao hơn ở những hộ gia đình có tham gia kinh doanh homestay và bán hàng. Các đối tượng tham gia khảo sát có thu nhập bình quân từ 60 - 200 triệu/người/năm. Cụ thể là những người có mức thu nhập bình quân từ 100 triệu/người/năm trở lên chỉ chiếm 11,1%,; những người có mức thu nhập bình quân từ 60 - dưới 100 triệu chiếm đa số (89,9%). Thu nhập từ hoạt động du lịch chiếm từ 10-60% cơ cấu thu nhập của gia đình. Những người tham gia khảo sát có thu nhập từ hoạt động du lịch chiếm từ 10 - dưới 50% là chủ yếu (77,8%), chỉ có một tỷ lệ nhỏ 22,2% là những người có thu nhập từ hoạt động du lịch chiếm từ 50% trở lên tổng thu nhập của hộ gia đình.



**Biểu đồ 3. Tỷ lệ thu nhập từ hoạt động du lịch trong tổng cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình tham gia khảo sát (%)**

bào dân tộc bản địa. Đây là những điều kiện thuận lợi cho phát triển các loại hình du lịch sinh thái và du lịch kết hợp để thu hút du khách đến với Vườn Quốc gia Xuân Sơn.

Về trình độ học vấn của đối tượng tham gia khảo sát, tỷ lệ những người tốt nghiệp tiểu học chiếm 18,5%, tỷ lệ người tốt nghiệp trung học cơ sở chiếm 33,3%, tỷ lệ người tốt nghiệp trung học phổ thông là 37,1%, tỷ lệ người tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng là 3,7%, tỷ lệ người tốt nghiệp đại học là 7,4%. Đây là cản trở lớn trong việc nâng cao trình độ nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu đối với phát triển hoạt động du lịch tại địa phương, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay.

Về chất lượng nguồn nhân lực, những người tham gia khảo sát đều là lao động phổ thông chưa qua đào tạo. Mặc dù họ đều đã được tham gia khóa tập huấn do chính quyền địa phương phối hợp với Trung tâm xúc tiến Du lịch tỉnh Phú Thọ

và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Xuân Sơn tổ chức với các nội dung liên quan đến các kỹ năng nghiệp vụ du lịch như: kỹ năng tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng và kỹ năng tổ chức biểu diễn văn nghệ dân gian phục vụ hoạt động du lịch. Tỷ lệ những người tham gia khảo sát được tập huấn cả 2 nội dung này là 100%. Tuy nhiên, kết quả khảo sát lại cho thấy chất lượng dịch vụ tại các quán ăn và cơ sở homestay đều chưa tốt như kỳ vọng.

#### **\* Vốn vật chất**

Vốn vật chất bao gồm cơ sở hạ tầng và các loại hàng hóa mà người sản xuất cần để phát triển sinh kế. Vốn vật chất bao gồm cả vốn thuộc sở hữu công cộng, sở hữu hộ và cá nhân [DFID, 1999].

Nhà ở là một trong những tiêu chuẩn đánh giá tương đối chính xác mức sống của người dân. Theo điều tra loại nhà mà người dân đang ở chủ yếu là nhà gỗ (18,5 %), nhà sàn (21,9%) và nhà xây (59,6%).

Các hộ chủ yếu kinh doanh homestay, dịch vụ ăn uống và bán hàng. Trong đó, tỷ lệ các hộ kinh doanh homestay là 40,7%; tỷ lệ các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống là 62,9%, và tỷ lệ các hộ có cửa hàng để bán các nông sản của địa phương là 33,3%.

Ngoài ra, vốn vật chất còn bao gồm cả hạ tầng cơ sở phục vụ hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nguồn vốn này còn tương đối hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch về mặt lâu dài. Hệ thống giao thông kết nối quốc lộ 32 với Vườn có tổng chiều dài là 31km đã bị xuống cấp, chiều rộng mặt đường nhỏ (dưới 5m). Hệ thống giao thông nội vùng kết hợp công tác tuần tra bảo vệ rừng với phục vụ du lịch đã có nhưng chưa đầy đủ, thiếu nhiều tuyến đường kết nối giữa các điểm du lịch trong nội vùng.

#### **\* Vốn Xã hội**

Hoạt động du lịch tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn hiện tại đã có sự kết nối và hỗ trợ giữa các bên liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ được Ủy ban Nhân dân tỉnh giao quản lý. Sở lại thông qua Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh Phú Thọ và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Xuân Sơn để kết nối với các đơn vị khai thác du lịch tư nhân, chính quyền địa phương và các cộng đồng cư dân sinh sống tại vùng đệm Vườn Quốc gia

để triển khai các giải pháp nhằm khai thác tiềm năng và lợi thế về du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái tại đây.

Tuy nhiên, sự tham gia của cộng đồng địa phương vào chuỗi cung ứng các sản phẩm du lịch chưa nhiều, chưa sâu và chưa tương xứng với nguồn lực hiện có. Hiện vẫn còn thiếu cơ chế để thu hút, khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương và chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch với họ. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đảm bảo tính bền vững của hoạt động du lịch trong tương lai.

### **2.3. Một số giải pháp giáo dục nâng cao hiệu quả sinh kế du lịch cho người dân và cộng đồng**

Cách tiếp cận từ hoạt động sinh kế của người dân và giáo dục cộng đồng địa phương, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp giáo dục nhằm nâng cao năng lực và thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch, góp phần cải thiện sinh kế và phát triển du lịch bền vững tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn như sau:

Giải pháp 1, Giáo dục nhận thức và tầm quan trọng của việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên trong Vườn Quốc gia, của các giá trị văn hóa truyền thống bản địa. Đây là giải pháp nền tảng để giúp cộng đồng địa phương hiểu được và thay đổi tư duy từ chỉ biết khai thác sang vừa bảo tồn, vừa phát huy, vừa khai thác những giá trị độc đáo để phát triển hoạt động du lịch tại địa phương.

Giải pháp 2, giáo dục các kỹ năng để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù giúp du lịch tại đây nâng cao khả năng cạnh tranh như kỹ phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương, kỹ năng hướng dẫn du lịch, kỹ năng kể chuyện về văn hóa địa phương... để họ có thể làm chủ hoạt động sinh kế du lịch nói riêng và đa dạng hóa các loại hình sinh kế khác trong gia đình nói chung.

Giải pháp 3, Hỗ trợ đào tạo về ngoại ngữ và công nghệ cho các thành viên trẻ trong gia đình, đặc biệt là các bạn học sinh phổ thông. Đây là giải pháp rất quan trọng và cần thiết để giúp du khách có được những trải nghiệm tốt hơn, tận dụng được nguồn lao động trẻ, kế thừa và phát triển hoạt động du lịch tại địa phương.

### III. KẾT LUẬN

Hoạt động du lịch là thế mạnh của khu vực Vườn Quốc gia Xuân Sơn, góp phần đa dạng hóa các loại hình sinh kế cho người dân trong vùng. Các loại hình du lịch chính gồm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, Tuy nhiên, các hoạt động dịch vụ du lịch mới tập trung ở xóm Dù, xóm Lấp và xóm Cỏi thuộc xã Xuân Đài. Hoạt động dịch vụ du lịch chủ yếu là bán lẻ hàng hóa tiêu dùng thiết yếu hàng ngày và kinh doanh cơ sở lưu trú (homestay) cho khách đến tham quan.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, nếu như nguồn vốn tự nhiên và vốn vật chất là điều kiện cần để

phát triển hoạt động sinh kế du lịch thì vốn xã hội, vốn tài chính và vốn con người là điều kiện đủ để thúc đẩy sự phát triển của hoạt động du lịch tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn. Thực tế, hoạt động du lịch tại đây chưa thực sự đóng góp nhiều vào sinh kế của cộng đồng dân cư địa phương do hiện trạng phát triển du lịch chưa được đồng bộ và chưa có cơ chế tham gia cũng như chia sẻ lợi ích với cộng đồng cư dân bản địa. Do đó, một trong những giải pháp quan trọng nhất để cải thiện vấn đề này chính là thông qua giáo dục cộng đồng địa phương để trang bị cho họ đủ kiến thức, kỹ năng và tư duy để tham gia vào thị trường du lịch đầy triển vọng tại chính quê hương của mình.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban quản lý VQG Xuân Sơn (2022), *Báo cáo tổng kết hoạt động du lịch của Vườn Quốc gia Xuân Sơn năm 2022*, 15 tr.
- DFID (1999). *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets*  
<http://www.nssd.net/references/SustLiveli/DFIDapproach.htm#Guidance>
- Fujun, S., Kenneth, F., & Hughey, D. (2009). *Connecting the Sustainable Livelihoods*
- Hoang Thi Thu Huong., Van, A.R, Meyfroidt, P., Govers G., Vu K.C., Nguyen A.T. & Vanacker, V. (2020). *Impact of tourism development on the local livelihoods and land cover change in the Northern Vietnamese highlands*. Environment, Development and Sustainability 22, 1371–1395.
- Samal, R., Dash, M. (2023). *Ecotourism, biodiversity conservation and livelihoods: Understanding the convergence and divergence*. International Journal of Geoheritage and Parks
- Đồng Thị Thanh, Nguyễn Xuân Thanh, Trần Văn Hào, Ngô Văn Long (2021). *Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế cộng đồng địa phương tại thị trấn Măng Đen, huyện Konlpong, tỉnh Kontum*. Số 2/2021. Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Thọ (2020). *Đề án phát triển bền vững du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Sơn giai đoạn 2020-2030*.
8. Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ (2012). *Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030*.
- Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2020). *Kỷ yếu Hội thảo: Chính sách phát triển du lịch tại các Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam*. Hà Nội ngày 13/11/2020.